

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2023 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản chung*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988

ĐKKHKT: khu 3, xã H, huyện P, tỉnh A.

- Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1996

ĐKKHKT: khu 3, xã H, huyện P, tỉnh A.

Địa chỉ hiện nay: 10-21 Woljeon-ro, Gwangsan-gu, Gwangju-si, Hàn Quốc. (Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 26/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện

P, tỉnh A. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó giữa vợ chồng anh chị bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 14/5/2017. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoàng P cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị Đỗ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L xác định anh chị có tài sản chung là 01 thửa đất số 520, tờ bản đồ số 20, diện tích 75m² có địa chỉ tại khu vực Chợ Cầu, xã H, huyện P, tỉnh A đã được Ủy ban nhân dân huyện Phù Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 749455 cấp ngày 22/5/2018 đứng tên anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L. Trên đất có 01 ngôi nhà 2 tầng. Anh T và chị L thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cho anh T được toàn quyền sở hữu đối với các tài sản nêu trên. Anh T không phải thanh toán cho chị L bất cứ một khoản tiền nào khác.

Về nợ chung, công sức đóng góp: anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và các chi phí tố tụng khác: anh Nguyễn Văn T tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L; Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 14/5/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị Đỗ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu; Về tài sản: Giao cho anh T toàn quyền sở hữu đối với các tài sản là thửa đất số 520, tờ bản đồ số 20, diện tích 75m² có địa chỉ tại: khu vực Chợ Cầu, xã H, huyện P, tỉnh A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 749455 cấp ngày 22/5/2018 đứng tên anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L cùng 01 ngôi nhà xây trên đất. Anh T không phải thanh toán chênh lệch cho chị L. Về công nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét, giải quyết; Về lệ phí

giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng khác: ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ của anh Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc anh chị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện chị Đỗ Thị L hiện nay đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 22425/QLXNC-P5 ngày 30/8/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã cung cấp thông tin: “*Đỗ Thị L, sinh ngày 08/3/1996, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 12/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của anh Nguyễn Văn T đối với chữ ký trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Đỗ Thị L. Tòa án nhân dân tỉnh A đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A tiến hành giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị Đỗ Thị L trong các văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 1193/KL-KTHS ngày 15/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận: “*Chữ ký dạng chữ viết “Anh” và các chữ “Đỗ Thị L” dưới mục “Họ và tên vợ trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự v/v Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản chung (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “Anh” và các chữ “Đỗ Thị L” dưới mục “Vợ” (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên) trên “Giấy chứng nhận kết hôn” (mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra*”. Từ đó, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc chị Đỗ Thị L thuận tình ly hôn với anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 14/5/2017. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L có tài sản chung là 01 thửa đất số 520, tờ bản đồ số 20, diện tích 75m² có địa chỉ tại: khu vực Chợ Cầu, xã H, huyện P, tỉnh A đã được Ủy ban nhân dân huyện Phù Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 749455 ngày 22/5/2018 đứng tên anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L. Trên đất có xây 01 ngôi nhà 02 tầng. Anh T và chị L thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cho anh T toàn quyền sở hữu đối với các tài sản nêu trên. Anh T không phải thanh toán bất cứ một khoản tiền nào khác cho chị L. Xét thấy thỏa thuận về tài sản chung giữa anh T và chị L là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

- Về nợ chung, công sức đóng góp: anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự và các chi phí tố tụng khác: chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ của anh Nguyễn Văn T.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L. Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 14/5/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Đỗ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu.

Chị Đỗ Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L về tài sản chung, cụ thể như sau:

Anh T được toàn quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 520, tờ bản đồ số 20, diện tích 75m² có địa chỉ tại: khu vực Chợ Cầu, xã H, huyện P, tỉnh A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN749455, cấp ngày 22/5/2018 đứng tên anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L và toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà

2 tầng cùng các đồ dùng sinh hoạt khác. Anh T không phải thanh toán cho chị L bất cứ một khoản tiền nào khác.

[4] Về nợ chung, công sức đóng góp: anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị L xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự và các chi phí tố tụng khác.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000597 ngày 06/9/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

- Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

[6] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc Tuấn